

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 11 và 11 tháng năm 2013

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 ước tăng 5% so với tháng trước. Một số ngành tiếp tục có mức tăng khá: ngành sản xuất vật liệu xây dựng tăng 17,4%, chế biến thực phẩm tăng 15,5%, trong đó sữa tăng nhiều nhất 30,9%; sản xuất kim loại tăng 14%; in tăng 11,9%; dệt tăng 8,5%; da tăng 8,2%; sản xuất tủ bàn ghế tăng 8%; hóa chất tăng 7,5%; cao su tăng 4%; trang phục tăng 2,8%; thuốc lá tăng 1,4%....

So với tháng 11 cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 8,2%.

Mức tăng chỉ số công nghiệp 11 tháng ước đạt 6,1% so cùng kỳ. Trong đó công nghiệp khai khoáng giảm 2,7%; công nghiệp chế biến tăng 6%; sản xuất phân phối điện tăng 6,9%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 14,2% so cùng kỳ. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 11 so với tháng 10	11 tháng so với cùng kỳ năm 2012
Tổng số	105,0	106,1
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	103,0	97,3
2. Công nghiệp chế biến	105,1	106,0
3. SX và phân phối điện	101,3	106,9
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	100,0	114,2
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	115,5	104,3
2. Sản xuất đồ uống	103,5	109,0
3. Sản xuất quần áo	102,8	111,3
4. Sản xuất da và SP liên quan	108,2	110,6
5. SX hóa chất và SP hóa chất	107,5	103,6
6. Sản phẩm từ plastic	104,0	110,7
7. Sản xuất vật liệu xây dựng	117,4	103,6
8. Sản xuất SP điện tử	104,9	102,1
9. Sản xuất thiết bị điện	99,0	106,7
10. SX ô tô	92,2	80,6

Có 22/26 ngành (ngành cấp 2) tăng so với 11 tháng cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có tỷ trọng tăng cao như: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, trang phục, da giày, thuốc hóa dược, cao su, giấy, đồ uống, thuốc lá... có mức tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Có 4 ngành giảm là khai khoáng khác (-2,7%), sản xuất kim loại (-5,8%), ô tô (-19,4%) và sản xuất giường tủ bàn ghế (-7,4%).

Xét theo sản phẩm, 11 tháng có một số sản phẩm sản xuất tăng khá cao như: sản xuất sản phẩm bằng kim loại tăng 29,6%; sản phẩm thịt tăng 5,7%; bia tăng 9,0%; vali túi xách tăng 23,7%; xà phòng chất tẩy rửa tăng 15,5%; áo quần tăng 11,3%; giày dép tăng 9,5%; thuốc hóa dược tăng 10,2%; bao bì plastic tăng 10,7%; xi măng tăng 4,1%; tivi tăng 8,7%;... như vậy các sản phẩm phục vụ tiêu dùng thiết yếu (thực phẩm), một số sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm vật liệu xây dựng vẫn duy trì mức tăng.

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: tháng 11 ước tăng 4,5% so tháng 10; tăng 8,5% so tháng cùng kỳ và tăng 5,7% so với 11 tháng cùng kỳ năm trước, tăng hơn mức tăng 10 tháng 0,2%. So với 11 tháng cùng kỳ: ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng 6,9% ; hóa dược cao su tăng 8,7%; điện tử tăng 2,1% và cơ khí chế tạo tăng 6,8%. Trong 4 ngành trọng điểm, chỉ số của ngành cơ khí chế tạo tăng mạnh so mức tăng của 10 tháng 2013, các ngành còn lại tăng hoặc giảm nhẹ.

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 1/11 tăng 5,7 % so thời điểm 1/10, trong đó tồn kho tăng có 14 ngành (ngành cấp 2), một số ngành có mức tăng khá cao: điện tử (+36,1%); đồ uống (+27,6%); tủ, bàn, ghế (+25,7%); công nghiệp chế biến chế tạo (+24,7%); giấy (+20,6%); hóa chất (+19,5%).... Các ngành tháng trước có chỉ số tồn kho cao nhưng tháng này giảm là phương tiện vận tải, thuốc lá, sản phẩm từ khoáng phi kim loại, thuốc, chế biến thực phẩm, in và dệt.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1 Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng vụ mùa 13.637 ha, giảm 4,9% so với vụ mùa năm trước. Trong đó diện tích lúa 8.957 ha (chiếm 65,7% tổng diện tích), giảm 10,5%; rau 3.245 ha, tăng 0,9%; bắp 276 ha; đậu phộng 75 ha; mía trồng mới 487 ha.

Sơ bộ kết quả vụ mùa 2013

	Vụ mùa 2013			% so với vụ mùa 2012		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	13.637			95,1		
Lúa	8.957	38,9	34.834	89,5	103,8	92,9
Bắp	276	26,9	742	382,1	102,8	392,9
Rau	3.245	244,5	79.323	100,9	101,3	102,2
Đậu phộng	75	24,0	179	95,5	103,5	98,8
Mía trồng mới	487	-	-	136,2	-	-

Tình hình vụ đông xuân 2013 - 2014: đã xuống giống 104 ha lúa; rau 1.923,5 ha, xấp xỉ cùng kỳ.

Sinh vật gây hại cây trồng: đã có 170 ha lúa mùa tại huyện Củ Chi bị nhiễm rầy nâu nhẹ. Ngoài ra, một số diện tích khác có một số sinh vật gây hại nhưng ở mức độ nhẹ như: bọ xít hôi (115 ha), ốc bươu vàng (57 ha), sâu cuốn lá (47 ha), đom vằn (61 ha), ...

1.2. Chăn nuôi: (kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/10/2013)

Gia súc: Đàn trâu 5.577 con, tăng 3,4% so với thời điểm 1/10/2012, trong đó huyện Củ Chi chiếm 65,9% tổng đàn, tăng 21,4%. Đàn bò 112 ngàn con, tăng 3,1% (bò sữa chiếm 79,1%, tăng 6,2%). Heo 286,7 ngàn con, giảm 11,6%; nguyên nhân giá thịt heo giảm làm cho người nuôi lỗ gây ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi heo thành phố.

Gia cầm: tổng đàn gà 290 ngàn con, tăng 27,4% so thời điểm 1/10/2012. Đàn gà thịt công nghiệp chiếm 82,4% tổng đàn gà, được nuôi tập trung tại 2 hộ nuôi gia công cho công ty CP.

2. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước đạt 4.699,3 tấn, giảm 4,9 % so tháng trước và tăng 15,5% so cùng kỳ. Sản lượng khai thác chiếm 46,1%, tăng 5,8% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng 53,9%, tăng 25,4%.

Tổng sản lượng thủy sản 11 tháng ước đạt 44.865,3 tấn, tăng 10,1% so cùng kỳ. Trong đó: khai thác tăng 7,9%, nuôi trồng tăng 12,8%.

Tình hình thả nuôi tôm: Tính đến ngày 10/11 đã có 764 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 166,1 triệu con trên diện tích 3.405,4 ha. Tôm thẻ chân trắng có 2.681 lượt hộ thả nuôi với 1.617,3 triệu con giống trên diện tích 2.837,9 ha.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 11 tháng ước thực hiện 154.592,5 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 3,8%; so với kế hoạch năm đạt 72,2% (11 tháng năm 2012 tăng 9%, đạt 84,5% kế hoạch năm).

Trong đó vốn ngân sách thành phố 15.142,8 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ và đạt 72,3% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 4,1%; so kế hoạch đạt 85,1%). Cấp thành phố ước thực hiện 8.017,6 tỷ đồng, chiếm 52,9%, so cùng kỳ tăng 2,2%; Cấp quận huyện 7.125,2 tỷ đồng, chiếm 47,1%, so với cùng kỳ tăng 5%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2012
Tổng vốn đầu tư	15.142,8	72,3	103,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	995,0	86,6	89,8
Cấp thành phố	8.017,6	67,6	102,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	490,1	72,0	66,3
Cấp quận huyện	7.125,	79,0	105,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	504,9	107,8	136,8

Tháng 11, thành phố bổ sung kế hoạch điều chỉnh tăng 3.099,047 tỷ đồng, nâng tổng kế hoạch vốn năm 2013 lên 20.950,1 tỷ đồng. Nhìn chung 11 tháng thành phố vẫn ưu tiên tập trung cho các dự án trọng điểm có tiến độ giải ngân cao.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố :

- **Đường cao tốc TPHCM-Long Thành-Dầu giây:** Tiếp tục đền bù ở Quận 9 và đang thi công nút khởi đầu nối Đại lộ Đông Tây tại Quận 2.
- **Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất –Bình Lợi:** phân giải tỏa, hiện còn vướng ở Quận Tân Bình.
- **Dự án mở rộng tuyến đường xa lộ Hà Nội:** Đang hoàn thiện đoạn từ ngã tư Thủ Đức đến khu du lịch Suối Tiên.

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở riêng lẻ hộ dân:

Tính đến ngày 31/10, toàn thành phố đã cấp 34.894 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 6.066,7 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 31.157 giấy phép, với diện tích 5.588,9 ngàn m² và 3.737 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 477,8 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 1,1% về giấy phép (+ 377 giấy phép) và tăng 10,29% về diện tích (+ 562,2 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 406 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với tổng vốn đăng ký đạt 942,3 triệu USD (vốn điều lệ 652,8 triệu USD), vốn đầu tư bình quân mỗi dự án đạt 2,3 triệu USD.

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 301 dự án, vốn đầu tư đạt 407,2 triệu USD; liên doanh 104 dự án, vốn đầu tư 465,2 triệu USD; hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 69,9 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: công nghiệp 48 dự án, vốn đầu tư 123,1 triệu USD (chiếm 13,1%); xây dựng 37 dự án, vốn đầu tư 59,5 triệu USD; thương nghiệp 118 dự án, vốn đầu tư 208,1 triệu USD (chiếm 22,1%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 88 dự án, vốn đầu tư 291,8 triệu USD (chiếm 31%); kinh doanh bất động sản 9 dự án, vốn đầu tư 147 triệu USD (chiếm 15,6%); ...

Chia theo đối tác đầu tư: Hàn Quốc 63 dự án, vốn đầu tư 32,2 triệu USD; Singapore 54 dự án, vốn đầu tư 279,6 triệu USD (chiếm 29,7%); Nhật Bản 111 dự án, vốn đầu tư 101,2 triệu USD (chiếm 10,7%); Thái Lan 21 dự án, vốn đầu tư 10,8 triệu USD; Hà Lan 6 dự án, vốn đầu tư 21,4 triệu USD; Cayman Islands 4 dự án, vốn đầu tư 391,7 triệu USD (chiếm 41,6%); ...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 116 dự án, số vốn tăng 656,2 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đến ngày 15/11 đạt 1.598,5 triệu USD, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2012.** Giải thể, chuyển đi tỉnh thành khác và rút phép trước hạn 57 dự án, vốn đầu tư 433,9 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Từ 16/10 đến ngày 15/11 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp phép thành lập mới 2.262 doanh nghiệp giảm 30 doanh nghiệp so với cùng kỳ tháng trước và tăng 55 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2012.

Tính từ đầu năm đến 15/11 đã có **23.349** doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 7% so với cùng kỳ; bao gồm: 1.057 doanh nghiệp tư nhân, 2.552 công ty cổ phần và 19.740 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 106.273 tỷ đồng, bằng 60,3% cùng kỳ năm trước. Tính chung qui mô vốn bình quân 1 doanh nghiệp chỉ bằng 56,3% của cùng kỳ. Như vậy, số doanh nghiệp thành lập mới tăng ít so cùng kỳ và vốn bình quân doanh nghiệp lại giảm mạnh so cùng kỳ

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo cơ quan Thuế thành phố, trong tháng 10 có 382 doanh nghiệp ngưng nghỉ kinh doanh, giảm 80% so tháng 9 và bằng 19,6% so tháng 10/2012. Trong đó: khu vực có vốn nước ngoài 17 doanh nghiệp.

Tính chung 10 tháng đầu năm có 18.934 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 66,4% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới và số doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ). So với 10 tháng cùng kỳ, số doanh nghiệp ngưng nghỉ giảm 3,6%; riêng khu vực có vốn nước ngoài tăng 55% (231 doanh nghiệp ngưng nghỉ, tăng 57 doanh nghiệp), bằng 63,8% số doanh nghiệp mới tăng trong kỳ.

IV. NỘI THUỜNG - GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố tháng 11 ước đạt 54.904,9 tỷ đồng, tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 12,2% so với tháng 11/2012.

Ước tính 11 tháng đạt 548.499,1 tỷ đồng, tăng 12,3 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- + Kinh tế nhà nước 95.071,3 tỷ đồng, chiếm 17,3%, tăng 9,1%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 431.280,5 tỷ đồng, chiếm 78,6%, tăng 12,7%
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 22.147,3 tỷ đồng, chiếm 4,0%, tăng 17,8%.

Loại trừ yếu tố biến động giá tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ 11 tháng đầu năm tăng 8,4%.

**Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
phân theo ngành hàng**

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 11 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	548.499	526.352	22.147	112,3	112,1	117,8
Tr.đó: Thương nghiệp	445.606	440.340	5.266	111,3	111,1	123,2
Khách sạn	6.482	3.147	3.335	110,4	112,7	108,3
Nhà hàng	55.915	52.564	3.351	116,3	116,5	113,1
Du lịch lữ hành	13.627	11.446	2.181	125,2	127,0	116,7

*** Hoạt động du lịch:** doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 11 tháng đầu năm đạt 20.109 tỷ đồng, chiếm 3,7% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 20% so cùng kỳ. Trong đó du lịch lữ hành tăng 25,2%, khách sạn tăng 10,4%.

2. Giá cả

2.1 Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 so với tháng 10 tăng 0,17%, bằng mức tăng tháng 10. Trong đó có 5/11 nhóm mặt hàng có chỉ số giá tăng, tăng cao nhất là nhóm nhà ở điện nước chất đốt (+0,58%), kế đến là các nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (0,33%), ba nhóm hàng tăng nhẹ: đồ uống thuốc lá tăng 0,2%; nhóm hàng may tăng 0,02% và nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,26%. Ba nhóm hàng giảm nhẹ là thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,04%; nhóm giao thông giảm 0,38% và nhóm hàng hóa dịch vụ khác giảm 0,11%. Ba nhóm hàng còn lại bưu chính viễn thông, giáo dục và văn hóa giải trí du lịch không thay đổi so tháng trước.

Mức biến động giá của một số nhóm mặt hàng trong tháng so với tháng trước:

Nhóm lương thực tháng này quay trở đầu tăng do ảnh hưởng tình hình mưa lũ ở miền Trung, tuy nhiên chỉ tăng nhẹ (+0,27% so tháng 10), so với đầu năm giá nhóm hàng này giảm 3,39% chủ yếu do giá gạo giảm (-5,03%).

Nhóm thực phẩm tăng 0,56%, các mặt hàng tăng làm ảnh hưởng mức tăng chung của nhóm này là thịt heo tăng 1,63%; thịt bò tăng 0,10%; tôm tăng 1,41%; rau các loại tiếp tục tăng khá cao do ảnh hưởng tình hình mưa nhiều ở thành phố cũng như các tỉnh: 3,62%. Hai mặt hàng thiết yếu khác vẫn có mức giảm: trứng các loại giảm 1,1%; dầu mỡ ăn giảm 0,2%.

Nhóm nhà ở điện nước chất đốt, VLXD tăng 0,58%; vật liệu xây dựng giảm 0,1%; dịch vụ thuê nhà và sửa chữa nhà không thay đổi, đặc biệt giá gas tăng 1,32% là nguyên nhân chính làm tăng giá nhóm hàng này.

So với tháng 11/2012, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,97%. Nhóm “bưu chính viễn thông” là nhóm có mức giá giảm duy nhất (-0,94%); 10 nhóm còn lại đều có mức giá tăng và cao nhất là nhóm “giáo dục” với mức tăng 58,12%, kế tiếp là nhóm đồ uống

thuốc lá tăng 4,86%, may mặc mũ nón giày dép tăng 4,28%, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn xếp thứ 3 với mức tăng 2,72%.

So với tháng 12/2012, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,79%: có 2 nhóm hàng hóa có mức giá giảm là: nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,94% và nhóm dược phẩm, dịch vụ y tế giảm 0,05%. Các nhóm còn lại đều tăng, trong đó nhóm giáo dục tăng 57,90%, nhóm ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,47% (trong đó: lương thực giảm 3,39%, thực phẩm tăng 5,3%)

2.2. Giá vàng và giá đô la Mỹ

Giá vàng tháng 11 giảm 1,41% so với tháng 10, giảm 20,63% so với tháng 11/2012 và giảm 21,37% so tháng 12/2012.

Chỉ số giá USD tháng 11 giảm 0,07% so tháng 10, tăng 1,3% so tháng 11/2012 và tăng 1,37% so tháng 12/2012.

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 11 tháng đầu năm (*không tính dầu thô*) đạt 41.092 triệu USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế trong nước 24.342,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 59,2%, tăng 10,1% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài 16.749,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 40,8%, bằng với năm trước.

1. Xuất khẩu:

Xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tháng 11 ước đạt 2.252,8 triệu USD, tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 12,9% so cùng kỳ.

Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.652,8 triệu USD, giảm 3,1% so tháng trước và giảm 7,7% so cùng kỳ.

Ước tính 11 tháng đầu năm, xuất khẩu hàng hóa đạt 24.039,7 triệu USD, giảm 7,3% (giảm 1.890,3 triệu USD) so với cùng kỳ năm trước. Kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 31,6%, giảm 23%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 31,5%, tăng 4,3%; Kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 36,8%, tăng 0,7%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ chiếm 16,4%, Nhật Bản 15,1%, Malaysia 10,5%, Trung Quốc 9,6%, Úc 7,7%, Hàn Quốc 5,8%...

Nếu không tính dầu thô, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 11 tháng đạt 17.556,3 triệu USD, giảm 3,4% so cùng kỳ.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không tính dầu thô)

	Tháng 11 (triệu USD)	11 tháng (triệu USD)	Cơ cấu 11 tháng (%)	Tháng 11 so với tháng 10 (%)	11 tháng so với cùng kỳ (%)
Tổng số	1.652,8	17.556,3	100,0	96,9	96,6
Kinh tế nhà nước	88,0	1.120,1	6,4	91,0	52,8
Kinh tế ngoài nhà nước	683,2	7.580,7	43,2	97,4	104,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	881,6	8.855,5	50,4	97,1	100,7

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 11 tháng và so sánh với cùng kỳ:

+ Gạo 858,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, giảm 51,4% (lượng 2.016,9 ngàn tấn, giảm 47,8%, giá bình quân giảm 6,8%).

+ Cà phê 531 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, giảm 24,1% (lượng 260 ngàn tấn, giảm 22,5%, giá bình quân giảm 2%).

+ Thủy sản 600 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,4% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, giảm 13,6%.

+ Hàng may mặc 4.047,8 triệu USD, chiếm 23,1% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 2,1%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 44,9%, tăng 0,7%; khu vực trong nước chiếm 55,1%, tăng 3,4%.

+ Hàng giày dép 1.700,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, giảm 1,1%. Trong đó: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 81%, tăng 2,6%; khu vực trong nước chiếm 19%, giảm 14%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 2.659,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, tăng 14,8%. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 98,7%, tăng 14,5%; khu vực trong nước chiếm 1,3%, tăng 37,7%.

+ Dầu thô 7.591,9 ngàn tấn, trị giá 6.483,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 27% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 13% về lượng và giảm 16,3% về trị giá do giá bình quân giảm 3,8% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 11 ước thực hiện 1.976,8 triệu USD, giảm 11,9% so tháng trước, tăng 0,5% so tháng cùng kỳ năm trước.

Ước tính 11 tháng đầu năm, tổng trị giá hàng nhập khẩu đạt 23.535,7 triệu USD, tăng 13,8% so cùng kỳ năm trước. Thành phần kinh tế nhà nước chiếm 12,3%, tăng 49,3%; Ngoài nhà nước 54,2%, tăng 18,1%; Có vốn đầu tư nước ngoài 33,5%, giảm 0,8%.

Kim ngạch nhập khẩu chủ yếu từ thị trường Trung Quốc chiếm 21,6%, Hồng Kông 10,2%, Singapore chiếm 8%, Nhật Bản 6,1%, Đài Loan 6%...

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Trị giá (triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 với tháng 10	11 tháng với cùng kỳ
Tổng số	1.976,8	23.535,7	88,1	113,8
Kinh tế Nhà nước	130,1	2.887,2	60,3	149,3
Kinh tế ngoài nhà nước	1.065,1	12.754,1	89,8	118,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	781,6	7.894,4	92,8	99,2

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 11 tháng và so sánh với cùng kỳ:

- + Sữa và sản phẩm sữa 462,4 triệu USD, giảm 2%, chiếm tỷ trọng 2%;
- + Xăng dầu 423,9 ngàn tấn, trị giá 394,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 34,7% (lượng giảm 32,6%, giá bình quân giảm 3,2%)
- + Vải 1.850,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,9%, giảm 2,1%.
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 654,7 triệu USD, tăng 1,9%, chiếm tỷ trọng 2,8%.
- + Sắt thép 1.662,8 ngàn tấn, trị giá 1.013,4 triệu USD, tăng 30,7% về lượng, tăng 8,3% về giá trị, chiếm tỷ trọng 4,3%. Thị trường nhập chính từ Trung Quốc 52,6%, tăng 33,1%, Nhật Bản 17,6%, tăng 8,6%...
- + Dược phẩm 863,8 triệu USD, giảm 11%, chiếm tỷ trọng 3,7%.
- + Chất dẻo 862,8 ngàn tấn, trị giá 1.360,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,8%, tăng 3,8%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1 Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 11 ước đạt 5.283,3 tỷ đồng, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 17,8% so với tháng 11/2012. Dự ước 11 tháng đầu năm đạt 49.526 tỷ đồng, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu 11 tháng (tỷ đồng)		% so sánh 11 tháng với cùng kỳ 2012	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	34.302,3	15.223,8	116,3	113,7
* Phân theo khu vực kinh tế				
Kinh tế nhà nước	5.408,3	1.172,8	103,0	117,0
Kinh tế ngoài nhà nước	28.646,3	11.655,1	119,3	116,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	247,7	2.395,9	107,5	101,6
* Phân theo phương tiện vận tải				
Đường bộ	18.692,5	12.832,5	117,7	116,0
Đường sông	3.234,1	264,7	118,7	120,0
Đường biển	12.312,5		113,9	
Đường hàng không	63,2	2.126,6	85,5	101,3

- **Doanh thu vận tải hàng hóa** tháng 11 ước đạt 3.736,5 tỷ đồng, tăng 6,2% so với tháng trước, tăng 18,8% so với tháng 11/2012;

Mười một tháng ước đạt 34.302,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,3% trong tổng doanh thu vận tải thuần túy, tăng 16,3% so với cùng kỳ 2012. Trong đó vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 54,5%, tăng 17,7%; vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 35,9%, tăng 13,9%. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 83,5%, tăng 19,3%.

- **Doanh thu vận tải hành khách** tháng 11 ước đạt 1.546,8 tỷ đồng, tăng 6% so với tháng trước, tăng 15,4% so với tháng 11/2012;

Mười một tháng ước đạt 15.223,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,7% trong tổng doanh thu vận tải thuần túy, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2012; Doanh thu đường bộ chiếm 84,3%, tăng 16%; đường hàng không chiếm 14%, tăng 1,3%.

2 Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá thông qua cảng sông và cảng biển tháng 11 ước thực hiện 6.646,3 nghìn tấn, tăng 1,1% so tháng trước và tăng 24% so với tháng 11 năm 2012.

Tính chung 11 tháng, tổng lượng hàng hóa qua cảng đạt 66.541 nghìn tấn, tăng 8,2% so với cùng kỳ; trong đó hàng hoá xuất khẩu 25.514,1 nghìn tấn, chiếm 38,3%, tăng 7,7%; hàng nhập khẩu 29.623,7 nghìn tấn, chiếm 44,5%, tăng 9,8%. Hàng hóa qua cảng biển chiếm 96,7% tổng lượng hàng hóa qua cảng.

Hàng hoá thông qua cảng

	Sản lượng (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng với cùng kỳ 2012
Tổng số	6.646,3	66.541,0	101,1	108,2
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.424,9	64.762,9	101,0	109,0
Cảng sông	221,4	1.778,1	103,5	85,3
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.429,1	25.514,1	100,9	107,7
Hàng nhập khẩu	3.001,6	29.623,7	100,7	109,8
Hàng nội địa	1.215,6	11.403,2	102,7	105,3

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 11 tháng ước thực hiện 209.735,7 tỷ đồng, đạt 88% dự toán, tăng 7,6% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 107.361,7 tỷ đồng, đạt 80,1% dự toán, tăng 10,9% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 68.100 tỷ đồng, đạt 85,1% dự toán, tăng 11,9%; thu từ dầu thô 28.777,8 tỷ đồng, vượt 26,8% dự toán, giảm 5,3%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
Tổng thu	238.360	209.735,7	88,0	107,6
Tổng thu cân đối ngân sách NN	236.830	204.239,5	86,2	108,6
I- Thu nội địa	134.080	107.361,7	80,1	110,9
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.300	21.685,8	82,5	113,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	35.500	27.364,4	77,1	112,1
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	34.326	27.495,8	80,1	118,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	80.050	68.100,0	85,1	111,9
III- Thu từ dầu thô	22.700	28.777,8	126,8	94,7

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 11 tháng ước 21.685,8 tỷ đồng, chiếm 20,2% tổng thu nội địa, tăng 13,7% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương 13.043,8 tỷ đồng, tăng 20,8%; Nhà nước địa phương 8.642 tỷ đồng, tăng 4,5%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 27.364,4 tỷ đồng, chiếm 25,5%, tăng 12,1% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 27.495,8 tỷ đồng, chiếm 25,6%, tăng 18,5%. Thu khác 30.815,7 tỷ đồng, tăng 2,4%; trong đó tiền sử dụng đất 4.864,2 tỷ đồng, giảm 9,7%, thuế thu nhập cá nhân 16.333,4 tỷ đồng, tăng 4%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 11 tháng ước 50.732,1 tỷ đồng, vượt 21,9% dự toán, giảm 8,6% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng ước thực hiện 39.476,3 tỷ đồng, đạt 91% dự toán, tăng 10,2% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
Tổng chi (trừ tạm ứng)	43.384,1	39.476,3	91,0	110,2
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	12.978,8	12.873,0	99,2	110,2
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.390,0	1.066,6	31,5	171,1
II- Chi thường xuyên	28.190,0	23.331,2	82,8	117,0
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	4.394,8	2.901,6	66,0	104,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	7.958,2	6.180,8	77,7	123,5
Sự nghiệp y tế	3.002,2	3.870,5	128,9	118,8
Quản lý hành chính	4.171,1	3.552,2	85,2	125,7

Chi đầu tư phát triển 11 tháng ước thực hiện 12.873 tỷ đồng, tăng 10,2% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay 1.066,6 tỷ đồng, tăng 71,1% so cùng kỳ.

Chi thường xuyên 11 tháng ước 23.331,2 tỷ đồng, tăng 17% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.901,6 tỷ đồng, tăng 4,8%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 6.180,8 tỷ đồng, tăng 23,5%; chi sự nghiệp y tế 3.870,5 tỷ đồng, tăng 18,8%; chi quản lý hành chính 3.552,5 tỷ đồng, tăng 25,7%; chi đảm bảo xã hội tăng 14%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 27%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 11 tháng ước 55.336,9 tỷ đồng, vượt 27,6% dự toán, tăng 12,3% so cùng kỳ.

2- Tín dụng ngân hàng

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 11 đạt 1.102,8 ngàn tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng trước (chỉ số này tháng trước là +0,84%), tăng 11,1% so cuối năm 2012 và tăng 15,3% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,5% tổng vốn huy động, tăng 19,2% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 16,0%, giảm 8,0% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 84,0% tổng vốn huy động, tăng 21,1% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm chiếm 55,3%, tăng 33,5%.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 11 đạt 919,3 ngàn tỷ đồng, tăng 2,8% so tháng trước; cao hơn chỉ số của 2 tháng liền kề trước -0,32% (tháng 10) và 0,05% (tháng 9), như vậy dư nợ tín dụng có dấu hiệu tăng dần. Dư nợ tăng 7,5% so cuối năm 2012 và tăng 16,0% so đầu tháng 11/2012.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 504,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 54,9% tổng dư nợ, tăng 27,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 150,2 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,3% tổng dư nợ, giảm 24,4% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 769,0 ngàn tỷ đồng chiếm 83,7% tổng dư nợ, tăng 29,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 45,5%, tăng 23,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 54,5% tăng 10,1% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Ngày 29/10/2013 Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM đã được kết nạp làm thành viên chính thức của Hiệp hội các Sở giao dịch Chứng khoán Thế giới WFE (World Federation of Exchanges) tại kỳ họp Đại Hội đồng lần thứ 53 và hội nghị thường niên của Hiệp hội diễn ra tại Mexico City.

Đến cuối tháng 10, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 gồm 301 cổ phiếu và 3 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 09. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 830.575 tỷ đồng, tăng 22,02% so với cuối năm trước. Trong tháng 10, có 23 phiên giao dịch, 12 phiên tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. VN-Index có một tháng rất lặng sóng với khoảng thay đổi chỉ là 11,81 điểm và chỉ có 2 phiên có biên độ tăng giảm so với phiên kế trước lớn hơn 1%. VN-Index không có xu hướng tăng hay giảm rõ ràng và nhìn chung rất ổn định. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 497,41 điểm, tăng 4,78 điểm (tương ứng tăng 0,97%) so với cuối tháng trước. So với cuối năm trước, VN-Index tăng 20,23% (tương ứng tăng 83,68 điểm).

- Khối lượng giao dịch của tháng 10/2013 đạt 1.576,8 triệu chứng khoán, tăng 60,5% so với tháng 09/2013. Giá trị giao dịch của tháng đạt 24.217,7 tỷ đồng, tăng 44,6% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 68,6 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.052,9 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 39,5% và giá trị giao dịch tăng 25,7% so với tháng trước.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 10, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 418,35 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 07/06 với 527,97 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10	10 tháng	Tháng 10 so tháng 09	10 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	1.576,8	12.283,2	160,5	99,6
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.558,4	12.170,8	160,2	99,2
Trái phiếu	12,1	35,5	378,1	169,9
Chứng chỉ quỹ	6,3	76,9	91,3	147,6
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.468,2	11.120,5	175,3	108,3
Giao dịch thoả thuận	108,6	1.162,7	74,7	56,2
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	24.217,7	210.597,3	144,6	108,6

Chia theo loại chứng khoán:

Cổ phiếu	22.942,1	206.631,9	140,1	107,8
Trái phiếu	1.229,8	3.138,9	458,2	162,3
Chứng chỉ quỹ	45,8	826,5	43,1	249,8

Chia theo hình thức giao dịch:

Giao dịch khớp lệnh	19.582,2	173.013,0	156,9	118,0
Giao dịch thỏa thuận	4.635,5	37.584,3	108,4	79,3

Đến ngày 15/11, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304, gồm 301 cổ phiếu và 3 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 10. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 836.488 tỷ đồng, tăng 22,89% so với cuối năm trước. VN-Index tại ngày 15/11 đạt 501,34 điểm, tăng 21,18% so với cuối năm trước (tương ứng tăng 87,61 điểm).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Y tế (tháng 10 và 10 tháng 2013)

- **Bệnh sốt xuất huyết:** trong tháng 10 có 942 ca, giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2012 và giảm 10,2% so với tháng trước. 10 tháng đầu năm 2013 có 6.314 ca, giảm 32,8% so với cùng kỳ năm 2012. Có 4 trường hợp tử vong, giảm 3 trường hợp so với cùng kỳ năm trước. Thành phố vẫn đang tích cực công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ phun hóa chất phòng chống dịch bệnh tại các phường, xã có số ca mắc bệnh cao.

- **Bệnh tay chân miệng:** trong tháng 10 số ca mắc bệnh là 695 ca, giảm 4,9% so với tháng trước và giảm 44,2% so với tháng cùng kỳ 2012. Trong 10 tháng đầu năm đã có 6.317 ca mắc, giảm 45,6% (-5.291 ca) so với cùng kỳ năm trước, có 1 trường hợp tử vong (cùng kỳ năm 2012 có 6 trường hợp tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố, nhiều nhất vẫn là các quận/huyện vùng ven như huyện Bình Chánh, quận 8, quận Bình Tân... Thành phố vẫn tiếp tục đề nghị các quận/huyện tăng cường công tác phòng chống dịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức tuyên truyền trong các trường học. Kiểm soát bệnh trong các trường mầm non, nhóm trẻ gia đình và các ca bệnh ở cộng đồng đông dân cư, nhất là ở các khu nhà trọ. Đồng thời xử lý triệt để các ca bệnh và ổ dịch theo hướng dẫn của Trung tâm Y tế Dự phòng.

2. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/9 đến ngày 15/10/2013)

- **Vi phạm kinh tế:** phát hiện và xử lý 77 trường hợp vi phạm, xử lý hành chính và thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 1,49 tỷ đồng.

- **Vi phạm môi trường:** phát hiện, lập biên bản xử lý 92 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải.

- **Phạm pháp hình sự:** đã xảy ra 539 vụ, tăng 71 vụ (tăng 15,2%) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 13 người, bị thương 28 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 19,6 tỷ đồng. Số vụ phạm pháp đã được điều tra khám phá là 351 vụ, bắt 426 người vi phạm.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** trong tháng đã phát hiện 89 vụ mua bán – tàng trữ ma túy bắt 181 người và 32 vụ sử dụng trái phép chất ma túy bắt 76 người; khởi tố 82 vụ với 132 người vi phạm; xử lý hành chính 39 vụ với 125 người vi phạm.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 07 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 41 người tổ chức môi giới và gái mại dâm.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 47 vụ tổ chức cờ bạc với 225 người tham gia, thu giữ trên 342 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Trong tháng, đã xảy ra 105 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 30 vụ so với cùng kỳ năm trước; làm chết 70 người, bị thương 54 người.

Đã lập biên bản hành chính xử lý 45,7 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 4.173 trường hợp, xử lý 4.512 trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm... chuyển kho bạc nhà nước trên 17 tỷ đồng tiền phạt.

- **Về tình hình cháy, nổ :** Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 36 vụ cháy, giảm 6 vụ so với cùng kỳ năm trước, làm chết 02 người, bị thương 03 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 70 triệu đồng (09 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng điện. Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

3. Giải quyết việc làm:

Trong tháng 11, thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 26,7 ngàn lao động, tăng 21,3% so với tháng trước. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 23,5 ngàn người (chiếm khoảng 88,1% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm). Số chỗ việc làm mới tạo ra là 12,8 ngàn chỗ.

Từ đầu năm đến nay thành phố đã giải quyết việc làm cho 265 ngàn lao động, đạt 99,98% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 179,7 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 110,5 ngàn chỗ làm, đạt 92,1% kế hoạch năm.

4. Tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp:

Từ ngày 12/10 đến ngày 11/11, đã có 7,5 ngàn người lao động đăng ký thất nghiệp tại Trung tâm Giới thiệu việc làm thành phố; Số người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 7,5 ngàn người. Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đến các tỉnh là 1,8 ngàn người, số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp là 525 người, Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 8,6 ngàn trường hợp và số người được hỗ trợ học nghề là 674 trường hợp. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp: 126,3 tỷ đồng.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng năm 2013.